

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

Ngày 26-9-2018

V/v: Ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hiền**.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Mạnh;

2/ Bà Cao Thị Hồng Châu;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Thắng – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2018 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện CưM'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2017/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018 /QĐST – DS ngày 05/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992. (có mặt)

Địa chỉ: 95 thôn TT, xã QT, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Anh Hồ P, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: 06 Trần Quang K, thị trấn QP, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị tự nguyện kết hôn với anh Hồ P từ năm 2013, tại UBND thị trấn QP, huyện C, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyền số 01/ 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng tại 06 Trần Quang Ki, thị trấn QP, huyện C có cuộc sống bình thường như những gia đình khác. Nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh P nhiều lần xúc phạm danh dự chị. Chị đã nhẫn nhịn nhưng anh P không thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân từ

tháng 02/2017 đến nay. Nay mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về Tố tụng: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định theo Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Như thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, giao thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và đương sự đúng thời hạn, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không thực hiện đầy đủ, đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật mà không có lý do chính đáng.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện CưM’gar đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ cho bị đơn là anh Hồ P nhưng anh P đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh P.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Về nội dung: Xét thấy Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hồ P được tạo lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định nên là hôn nhân hợp pháp. Do vậy, quyền lợi và nghĩa vụ của các bên luôn được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Do cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian dài mà không khắc phục được. Vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm, không còn quan tâm đến nhau cả về kinh tế lẫn tình cảm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh P. Qua kết quả xác minh của Tòa án thì anh P có đăng ký nhân khẩu thường trú và sinh sống tại 06 Trần Quang K, thị trấn QP, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng có mâu thuẫn, chị H đã về nhà cha mẹ để sinh sống từ tháng 02/2017 đến nay. Đầu tháng 5/2018 chị H làm đơn ly hôn yêu cầu tổ dân phố hòa giải nhưng anh P không đến nên không hòa giải được. Chị H xin được chuyển hồ sơ đến Tòa án để giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

Về nuôi con chung: vợ chồng không có con chung nên tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hồ P.

[2]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng tiền án phí Ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0002194 ngày 10/5/2018.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện CưM'gar;
- Chi cục THADS huyện CưM'gar;
- UBND TT QP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Hiền

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM